

(Giáo viên: Thầy Phạm Thắng)

- CHIA S TÀI LI U - LUY N THI THPT QU C GIA

- Câu 11:** Trong công nghiệp, người ta thường điều chế N_2 từ
 A. NH_4NO_2 . B. HNO_3 . C. không khí. D. NH_4NO_3 .
- Câu 12:** Chọn cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tố nhóm VA:
 A. ns^2np^5 B. ns^2np^3 C. ns^2np^2 D. ns^2np^4
- Câu 13:** Nito phản ứng được với tất cả các chất trong nhóm nào sau đây để tạo ra hợp chất khí.
 A. Li, Mg, Al B. Li, H_2 , Al C. H_2 , O_2 D. O_2 , Ca, Mg
- Câu 14:** Dãy chất nào sau đây trong đó nito có số oxi hóa tăng dần:
 A. NH_3 , N_2 , NO, N_2O , AlN B. NH_4Cl , N_2O_5 , HNO_3 , Ca_3N_2 , NO
 C. NH_4Cl , NO, NO_2 , N_2O_3 , HNO_3 D. NH_4Cl , N_2O , N_2O_3 , NO_2 , HNO_3
- Câu 15:** Một oxit Nito có công thức là NO_x trong đó N chiếm 30,43% về khối lượng. Công thức của oxit Nito đó là
 A. NO B. NO_2 C. N_2O_2 D. N_2O_5
- Câu 16:** Xác định chất (A) và (B) trong chuỗi sau:

$$N_2 \xrightarrow{+H_2 (xt, t^o, p)} NH_3 \xrightarrow{+O_2 (Pt, t^o)} (A) \xrightarrow{+O_2} (B) \longrightarrow HNO_3$$

 A. (A) là NO, (B) là N_2O_5 B. (A) là N_2 , (B) là N_2O_5
 C. (A) là NO, (B) là NO_2 D. (A) là N_2 , (B) là NO_2
- Câu 17:** Thể tích khí N_2 (đkc) thu được khi nhiệt phân 16g NH_4NO_2 là
 A. 11,2 lít B. 5,6 lít C. 3,56 lít D. 2,8 lít
- Câu 18:** Điểm giống nhau giữa N_2 và CO_2 :
 A. Đều tan trong nước
 B. Đều có tính Oxi hóa và tính khử
 C. Đều không duy trì sự cháy và sự sống
 D. Tất cả đều đúng
- Câu 19:** Nhiệt phân chất A thì sản phẩm thu được có khí B và hơi nước có tỉ khối so với nhau là 1,556. Biết A được tạo ra từ nguyên tố B. Tìm A:
 A. NH_4HCO_3 B. $Cu(NO_3)_2$ C. NH_4NO_3 D. NH_4NO_2
- Câu 20:** Vị trí của nito (N) trong bảng hệ thống tuần hoàn là:
 A. ô 14, chu kỳ 2, nhóm VA B. ô 14, chu kỳ 3, nhóm IIIA.
 C. ô 7, chu kỳ 2, nhóm VA D. ô 7, chu kỳ 3, nhóm IIIA.

Giáo viên: Thầy Phạm Thắng